

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 08/01/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

2. Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 380/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 265/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị H có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 08/01/2025.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 25/4/2024, Bản tự khai ngày 13/11/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị M là chị Võ Thị Thu H trình bày như sau:*

Vào ngày 25/4/2022, bà Phan Thị M có cho bà Nguyễn Thị Kim Đ vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 5%/tháng, khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng thế chấp tài sản, trong Hợp đồng thế chấp ngày 25/4/2022 có ghi bà Nguyễn Thị Kim Đ có thế chấp cho bà Phan Thị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1904, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.000 m² tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng thực tế bà Kim Đ không có đưa cho bà M.

Hết thời hạn vay, bà Đ không trả tiền lãi, tiền nợ gốc đến nay. Do đó, bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ trả số tiền vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 25/4/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (08/01/2025) với số tiền 18.852.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1904, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.000 m² tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre trong Hợp đồng thế chấp ngày 25/4/2022, do bà Đ không đưa cho bà M nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Kim Đ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Kim Đ vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Kim Đ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố

tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền nợ 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi tiền 18.852.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Đ trả số tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn ngày 24/5/2024 của Công an xã P thì bà Nguyễn Thị Kim Đ có đăng ký thường trú tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, nay là ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện vắng mặt tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim Đ là bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre hiện đã bỏ địa phương, đi nơi khác sinh sống mà không thông báo với Chính quyền và thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi ở mới của mình. Căn cứ quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Đ1 b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì xem như bà Nguyễn Thị Kim Đ

cố tình giấu địa chỉ của mình. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[5] Bà Phan Thị M khởi kiện cho rằng có cho bà Nguyễn Thị Kim Đ vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) đến nay chưa trả. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 25/4/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (08/01/2025). Cơ sở khởi kiện là “Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 25/4/2022” (bút lục 30).

Xét, “Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 25/4/2022” (bút lục 30) có ghi rõ họ tên, số căn cước công dân, địa chỉ cụ thể của bà Nguyễn Thị Kim Đ, thể hiện rõ bà Kim Đ đã nhận đủ số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay là giao tài sản cho bên vay đầy đủ. Tuy nhiên, khi có yêu cầu trả nợ của bà Phan Thị M thì bà Nguyễn Thị Kim Đ không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Nguyễn Thị Kim Đ vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, đã thể hiện tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị M về số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Bà Phan Thị M yêu cầu tính lãi số tiền vay với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 25/4/2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (ngày 08/01/2025).

Xét thấy, hợp đồng vay giữa bà Phan Thị M và bà Nguyễn Thị Kim Đ là Hợp đồng vay có thời hạn, có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự, lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà Đ chưa đóng lãi và lãi suất bà M yêu cầu bà Đ phải trả là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng từ ngày vay 25/4/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu tính lãi số tiền trên của bà Phan Thị M là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$70.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm} 8 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 18.852.000 \text{ đồng}$
(Mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Vậy, bà Nguyễn Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền vay là 88.852.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng), bao gồm 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 18.852.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền lãi.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1904, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.000 m² tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre trong Hợp đồng thế chấp ngày 25/4/2022.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim Đ vắng mặt không lý do, không có lời khai, bà Phan Thị M cho rằng khi vay bà Đ không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này như nội dung “Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 25/4/2022” nên hiện bà M không giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến là phù hợp.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Phan Thị M không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$88.852.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.442.600 \text{ đồng}$ (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền vay là 88.852.000 đồng (T mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng), bao gồm 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 18.852.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu số tiền án phí là 4.442.600 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

H1 lại cho bà Phan Thị M số tiền án phí đã nộp là 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0004107 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ